

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2020/HS-PT

Ngày: 23-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 165/2020/TLPT-HS ngày 24 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn T1. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2020/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo bị kháng cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 19XX; Giới tính: Nam, tại tỉnh Đ; Nơi cư trú: Khóm Còng C, phường An L, thị xã H, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Hồng Đ và bà Tống Thị G; có vợ và 02 con; Tiền án và tiền sự: Không. Bị cáo đang tại ngoại (Có mặt).

2. Nguyễn Văn T1, sinh năm 19XX; Giới tính: Nam; tại tỉnh Đ; Nơi cư trú: Khóm Còng C, phường An L, thị xã H, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T2 (chết); có vợ và 02 con; Tiền án và tiền sự: Không. Bị cáo đang tại ngoại (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/6/2018, ông Trần Văn A, sinh năm 19XX, ngụ khóm X, phường An T, thị xã H, tỉnh Đ, ký Hợp đồng vận chuyển cá tra nguyên liệu với Công ty H, địa chỉ: Ấp Bình Đ,

xã Bình T, huyện T. Theo Hợp đồng, ông Trần Văn A sử dụng phương tiện vận tải đường thủy (gọi tắt là ghe) tên Vĩnh Châu 3, số đăng ký ĐT-XXXXX, tải trọng 32 tấn để vận chuyển cá nguyên liệu từ ao nuôi đến nhà máy chế biến của Công ty H, tiền công từ 150 đồng đến 290 đồng/kg. Sau đó, ông Trần Văn A thuê và giao phương tiện nêu trên cho Lê Văn T trực tiếp điều khiển và quản lý, vận chuyển cá tra nguyên liệu, tiền công là 1.950.000 đồng/chuyến, tiền ăn là 3.000.000 đồng/tháng và phí điện thoại 200.000 đồng/tháng. Cùng đi trên ghe có bà Cao Thị V, sinh năm 19XX và Lê Thanh Lâm V1, sinh ngày 22/8/XXXX (là vợ, con của T) để nấu cơm. Để phụ giúp công việc trên ghe, T thuê bị cáo Nguyễn Văn T1 phụ giúp, tiền công 500.000 đồng/chuyến. Ngày 18/12/2019, Lê Văn T điều khiển phương tiện nêu trên đến ao nuôi cá thuộc huyện Tân H, tỉnh L để nhận cá. Sau đó, T và T1 điều khiển ghe vận chuyển cá tra nguyên liệu về Công ty H. Khi đến thủy phận Giồng Răng thuộc huyện Tân H, tỉnh Đ, Lê Văn T bàn bạc với Nguyễn Văn T1 lấy trộm cá tra trên ghe cất giấu bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, T1 đồng ý. Sau khi bàn bạc xong, khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Thanh T1 xuống khoan hầm ghe tiến hành bắt trộm cá tra cất giấu. Khoảng 12 giờ, ngày 19/12/2019, sau khi tiếp nhận cá tra nguyên liệu xong, Công ty phát hiện bị thất thoát cá nên nghi vấn, kiểm tra thì phát hiện số lượng cá tra bị lấy trộm được cất giấu tại vị trí như: khoan mũi phương tiện 130kg, giường ngủ (ly-văng) 301kg, thùng nhựa dùng ướp lạnh 31kg và hầm máy 40kg. Tổng cộng trọng lượng là 502kg nên báo Cơ quan Công an đến lập biên bản tạm giữ tang vật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐ ngày 24/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản, kết luận: Tổng trọng lượng cá tra 502kg x 22.700đồng/kg = 11.395.000 đồng.

Về vật chứng thu giữ, gồm: Số lượng 502kg cá tra nguyên liệu, hiện Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Trần Văn A xong.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 19/12/2019, ông Trần Văn A đã nhận lại đủ số lượng cá tra nguyên liệu là 502kg, ông A cũng đã bàn giao lại số lượng cá trên cho ông Nguyễn Văn T3 là đại diện của Công ty H. Ông A không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Đối với chị Cao Thị V không biết T và T1 bàn bạc lấy trộm cá của ông Trần Văn A, quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh chị V là đồng phạm trong vụ án, nên không có căn cứ xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2020/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 cùng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 cùng có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Hành vi của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với hai bị cáo T và T1 là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết nào mới có cơ sở để xem xét cho bị cáo ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Trong phần tranh luận các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 không có tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên mà chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Ngày 18/12/2019, Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 điều khiển ghe mang tên Vĩnh Châu 3, số đăng ký ĐT-XXXXXX đến vùng nuôi thuộc huyện Tân H, tỉnh L để nhận cá tra nguyên liệu vận chuyển về Công ty H. Khi đến thủy phận Giồng Răng thuộc huyện Tân H, tỉnh Đ, T bàn bạc với T1 lấy trộm cá tra trên ghe bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T1 đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T1 xuống khoan hàm của ghe bắt trộm cá tra cất giấu tại vị trí như: khoan mũi phươg tiện 130kg, giường ngủ 301kg, thùng nhựa dùng ướp lạnh 31kg và hàm máy 40kg, tổng cộng trọng lượng là 502kg. Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 19/12/2019, sau khi tiếp nhận cá xong, đại diện Công ty H phát hiện bị thất thoát cá nên nghi vấn, kiểm tra thì phát hiện số lượng cá tra bị lấy trộm nên báo Cơ quan Công an đến lập biên bản tạm giữ tang vật. Giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 11.395.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi đó đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để lao động chân chính tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động vất vả nên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng giá trị tài sản là 11.395.000 đồng. Các bị cáo thừa biết việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, là có tội nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã có cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như

các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng các bị cáo không xuất trình được tình tiết nào mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T và T1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo T và T1 không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn T1. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 cùng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GD-KT1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND huyện T (06 bản);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Cơ quan CSĐT CAH T;
- Cơ quan THAHS CAH T;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh (02 bản);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Nhật Minh).

Lê Khắc Thịnh